**KẾ HOẠCH BÀI DẠY CHUYÊN ĐỀ CẤP TRƯỜNG**

 **Thứ Ba ngày 29 tháng 10 năm 2024**

**Tiếng Việt**

**BÀI 34: AM ĂM ÂM (2 tiết)**

**I. Yêu cầu cần đạt:** Giúp HS:

**1. Kiến thức**

- Nhận biết và đọc đúng vần ***am, âm, ăm***; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có vần ***am, âm, ăm***; hiểu và trả lời được các câu hỏi liên quan đến nội dung đã đọc.

- Viết đúng vần ***am, âm, ăm;*** viết đúng các tiếng, từ ngữ có vần ***am, âm, ăm***.

**2. Năng lực:**

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa vần ***am, âm, ăm*** có trong bài học.

- Phát triển ngôn ngữ nói theo chủ điểm Môi trường sống của loài vật (được gợi ý trong tranh). Nói về các loài vật, về môi trường sống của mỗi loài. Kể về một con vật được nuôi ở ở gia đình em hay nhà hàng xóm.

- Phát triển kĩ năng giao tiếp.

**3. Phẩm chất:**

- Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống qua hiểu biết về loài vật.

**II. Đồ dùng dạy học:**

- Nắm vững đặc điểm phát âm; cấu tạo, và cách viết các vần *am, âm, ăm*

- Hiểu rõ nghĩa của một số từ ngữ trong bài học như: sâm, râm ran…

+ Sâm: một loại cây có củ và rễ dùng làm thuốc bổ.

+ Râm ran: (âm thanh) hoà vào nhau rộn rã liên tiếp, thành từng đợt.

- Hiểu biết về môi trường sống của mỗi loài vật: chim sống trên trời, cá tôm sống dưới nước, các loài thú sống trên mặt đất (có thể sống trong rừng: voi, gấu, khi, sóc, hươu, nai có thể nuôi ở nhà: chó, mèo, trâu, bò, lợn, dê,...)

- Nhận diện rõ ràng về chim, thủ, để có thể đưa dẫn chứng một cách sát thực, chính xác.

- GV: Bài giảng điện tử

- HS: Bảng cài, thẻ chữ.

**III. Các hoạt động dạy học chủ yếu:**

|  |  |
| --- | --- |
|  **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn và khởi động (2-3’)** - Cho HS đọc lại bài 22.- GV nhận xét tuyên dương.**2. Nhận biết (3-4’)**- Gv đưa tranh MH, yêu cầu HS trao đổi cặp đôi.- Em thấy gì trong tranh?- GV nêu nội dung tranh: Chú nhện đang nhìn ngắm tấm lưới mà mình vừa dệt, tấm lưới rất đẹp. Nội dung bức tranh này được thể hiện trong câu sau *Nhện ngắm nghía tấm lưới vừa làm xong.***-** GV đoc mẫu.- GV: trong câu trên có tiếng *ngắm* chứa vần *ăm*, tiếng *tấm* chứa vần *âm*, tiếng *làm* chứa vần *am* là 3 vần mới hôm nay cô dạy các em qua bài 34: *am, ăm âm* (GV ghi bảng)**3. Đọc (17- 19’)****a. Đọc vần** - GV giới thiệu vần: *am, ăm, âm.* - So sánh các vần *am, ăm âm* để tìm ra điểm giống và khác nhau.- GV: 3 vần hôm nay các em học giống nhau kết thúc là âm m, khác nhau ở âm bắt đầu *a, ă, â.*- GV đánh vần mẫu vần: *am, ăm, âm*.- Y/c Hs đọc trơn các vần.- Các em hãy ghép cho cô vần *ăm.*- GV yc phân tích cho cô vần *ăm*.- GV yêu cầu ghép nhanh cho cô vần *âm*- Em làm thế nào ghép nhanh được như thế?- GV nx tuyên dương.- GV yc ghép tiếp cho cô vần *am.*- GV nhận xét.**b. Đọc tiếng**Có vần *am* hãy cài thêm âm l vào trước vần am, thanh huyền trên a.- Em ghép đước tiếng gì?- Hãy phân tích tiếng làm?- GV đưa tiếng *làm* vào mô hình.- GV bằng cách thêm âm đầu và thay dấu thanh khác em hãy tìm và ghép 1 tiếng chứa một trong 3 vần.- GV nhận xét tuyên dương.- Gv đưa các tiếng*: cam, khám, ẵm, cằm, đậm, nhẩm.*- Tiếng *cam* và tiếng *kham* chứa vần gì?- Tiếng ẵm, tiếng cằm chứa vần gì?? Những tiếng nào chứa vần âm.- GV nhận xét.- GV gọi HS đọc lại bài.**c. Đọc từ**- GV đưa quả cam hỏi:- Trên tay cô có quả gì?- GV gới thiệu từ khóa thứ nhất: *quả cam*- Trong từ quả cam tiếng nào chứa vần hôm nay các em học?- GV đọc từ *cam.*- GV cho HS quan sát *hộp tăm*.- Đây là đồ vật gì?- Tăm dùng để làm gì?- GV giới thiệu tăm được làm từ tre hàng ngày dùng để ...- GV giới thiệu từ khóa thứ 2: *Tăm tre*- Phân tích tiếng *tăm*- GV đưa tranh 3 thực hiện tương tự.+ GV lưu ý: Khi đọc từ các em đọc liền các tiếng trong từ. *-* GV nhận xét**d. Đọc lại các tiếng, từ.**- Cho HS đọc lại toàn bảng.Chuyển ý: Vừa rồi cô đã các em đã đọc rất tốt, bây giờ cô hướng dẫn các em viết các vần... **4. Viết bảng (9- 10’)****-** Gv chỉ chữ *am*.- Chữ *am* được viết bằng mấy con chữ, đó là những con chữ nào?- Nêu độ cao mỗi con chữ?- GV hướng dẫn viết: Đặt bút dưới đường kẻ 3 một chút viết con chữ a, từ điểm kết thúc của chữ a nối liền với con chữ m dừng bút ở đường kẻ 2 viết được chữ *am*.( lưu ý điểm kết thúc của chữ a lối liền với nét móc xuôi của chữ m).- GV viết mẫu.- Tưng tự chữ *ăm, âm*- Nhận xét cách viết của chữ am, ăm có gì giống và khác nhau?- GV viết mẫu.- GV chỉ từ *“tăm tre”*- Từ tăm tre được viết bằng những chữ nào?- Nêu độ cao các con chữ trong từ *tăm tre*.- Khoảng cách giữa chữ tăm và chữ tre là bao nhiêu?- GV nêu quy trình viết.- GV chỉ từ *“củ sâm”*- Từ củ sâm được viết bằng mấy chữ?- Nêu khoảng cách giữa 2 chữ trong từ?- GV hướng dẫn viết.- GV viết mẫu - GV HD từ lưu ý khoảng cách giữa hai tiếng và điểm nối - Cho HS viết bảng chữ *tăm, sâm.*- GV nhận xét tuyên dương.**5. Củng cố: (1-2’)**- Hôm nay học bài gì?- GV nhận xét chung giờ học. | - Hát.- 1-2 HS đọc.- HS quan sát và trả lời.- Có nhện đang chăng tơ... - HS đọc ĐT.- HS đọc dãy.- HS đánh vần dãy - tổ - ĐT- Giống nhau cả ba vần đều có 2 âm, có âm m đứng sau. Khác nhau âm đứng trước.- HS đánh vần: CN, T, ĐT- HS đọc trơn: tổ 1, 2, 3 - HS cài vần ăm - Nhận xét.- HS phân tích – nx.- HS thực hiện.- HS trình bày.- HS cài - Đọc tiếng mình cài.- HS thực hiện cài.- HS nếu .- HS phân tích cá nhân.- HS đánh vần: CN, T, ĐT.- HS đọc trơn: CN, T, ĐT.- HS đọc lại mô hình: 1-2 em.- HS tìm tiếng.- HS đọc tiếng tìm được, lớp đánh vần.- HS đánh vần, đọc trơn: CN, T, ĐT- Chứa vần *am.*- HS nêu – nx.- HS nêu tiếng đậm, tiếng nhẩm.- HS đánh vần các tiếng - đọc trơn - Cá nhân – dãy- 1 - 2 HS đọc cả bài.- HS quan sát rồi TL.- …quả cam.- HS đọc: 3- 4 em.- HS nêu; Tiếng *cam* chứa vần *am*.- HS đánh vần tiếng cam.- HS đọc trơn: CN, ĐT.- … Hộp tăm.- HS nêu ý hiểu.- Đọc cá nhân- nhóm 2, ĐT.- HS đánh vần dãy- ĐT.- HS đọc trơn từ 1-2 em.- HS đọc từ.- 2- 3 HS đọc các từ.- 1-2 HS đọc- HS đọc.- 2 con chữ đó là chữ a và m.- HS nêu: *am* cao 2 dòng ly.- HS quan sát.- HS đọc chữ *ăm.*- HS nêu ý hiểu.- HS quan sát.- HS viết bảng *am, ăm, âm*.- HS đọc trơn.- Viết bằng chữ *tăm* và chữ *tre.*- Chữ t cao 2 ô ly, chữ a, m, e cao 1 ô.- Khoảng cách bằng 1 ô.- …2 chữ *củ* và chữ *sâm*- Khoảng cách bằng nửa thân chữ o- HS đọc trơn.- HS quan sát.- HS nêu.- HS viết bảng.- Nhận xét bài bạn. |